

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 518/2020/HC-ST

Ngày: 05 - 5 - 2020

V/v khiếu kiện quyết định
hành chính.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thụy Vi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Cương

2. Bà Hồ Thị Diệu Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Lâm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 tháng 4 và ngày 05 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 162/2016/TLST-HC ngày 24 tháng 10 năm 2016, về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1396/2020/QĐXXST-HC ngày 23 tháng 3 năm 2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 3666/2020/QĐST-HC ngày 22 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà Cao Thị Cẩm N

Trú tại: phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Người bị kiện:*

- Ủy ban nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng địa chỉ: phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn L – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A là người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân Quận A và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A, địa chỉ: phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (được ủy quyền theo Văn bản ủy quyền số 3494 và Văn bản ủy quyền số 3495 lập ngày 06/12/2016).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông Nguyễn Gia H1 - Phó trưởng Phòng Tài nguyên - Môi trường là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A, địa chỉ: phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Ông Huỳnh Văn T - Phó trưởng Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận A là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân Quận A và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A, địa chỉ: phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Bà Đoàn Thị Phương T2 - Phó Trưởng phòng Nghiệp vụ 2 là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân Quận A và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A, địa chỉ: phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Thị Cẩm T3 – Cán bộ Địa chính -Xây dựng phường L, Quận A là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân Quận A và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người khởi kiện bà Cao Thị Cẩm N trình bày:

Phần nhà, đất bà bị thu hồi trong dự án Chính trang phát triển đô thị tại phường L, Quận A có diện tích 655,1m², thuộc một phần thửa số 53, tờ bản đồ số 85 (theo Tài liệu năm 2003) tương ứng một phần thửa số 290, tờ bản đồ số 15 (theo Tài liệu 02/CT-UB).

Phần đất trên có nguồn gốc do ông Cao Văn D1 sử dụng, Đ bộ bằng khoán cũ. Ông D1 có 05 người con trong đó có ông Cao Văn H1 (cụ cố của bà N) và ông Cao Văn Đ (cha của ông Cao Văn N2). Theo tinh thần bản chúc ngôn của gia tộc lập ngày 26/7/1933 thì ông Cao Văn Đ được gia tộc ủy nhiệm giữ gìn khu đất thổ mộ và đất hương quả để thờ cúng tổ tiên. Sau khi ông Đ mất thì ông N2 tiếp tục sử dụng phần đất này. Đến tháng 02/1999, cha của bà N là ông Cao Hùng S2 biết ông N2 có ý định bán toàn bộ khu đất hương quả nên đã gửi đơn tranh chấp đất đai đến Ủy ban nhân dân phường L. Tại Văn bản số 100/1999/CV.UB ngày 19/4/1999 của Ủy ban nhân dân phường L có nội dung: “Việc hòa giải khiếu nại tranh chấp đất đai giữa ông Cao Hùng S2 và ông Cao Văn N2 không thành...”. Sau đó, gia tộc họ Cao đã họp lại và thống nhất bằng miệng là cho ông N2 bán một phần đất còn phần đất có diện tích 655,1m² giao lại cho cha bà là ông Cao Hùng S2 sử dụng. Đến tháng 10/2001, ông Cao Hùng S2 xây dựng một căn nhà trên phần đất 655,1m², khi xây dựng không bị lập biên bản vi phạm hành chính. Sau khi xây xong, cha của bà có liên hệ với cơ quan Nhà nước để làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận nhưng được trả lời là không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận do đây là đất mồ mả. Đến năm 2003, cha của bà cho bà phần nhà, đất nêu trên. Bà đã sử dụng liên tục đến khi bị nhà nước thu hồi.

Tháng 9/2015, bà nhận được Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 10/8/2015 của Ủy ban nhân dân Quận A về việc thu hồi đất trong dự án Chính trang phát triển đô thị tại phường L, Quận A.

Vào tháng 11/2015, bà tiếp tục nhận được Quyết định số 1209/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 của Ủy ban nhân dân Quận A về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trong dự án Chính trang phát triển đô thị tại phường L, Quận A với tổng số tiền là 199.967.000 đồng.

Không đồng ý với 02 quyết định trên, bà gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A. Khoảng tháng 5/2016, bà nhận được Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 15/02/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A về việc giải quyết khiếu nại có nội dung giữ nguyên Quyết định số 364/QĐ-UBND và Quyết định số 1209/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Quận A.

Bà cho rằng việc Ủy ban nhân dân Quận A xác định phần đất 655,1m² bị thu hồi là đất công là không đúng quy định của pháp luật vì phần đất này có nguồn gốc của gia tộc, quá trình sử dụng liên tục, ổn định. Vì vậy, khi nhà nước thu hồi đất phải bồi thường, hỗ trợ cho bà theo giá đất ở do nhà đã được xây dựng trước thời điểm ngày 22/4/2002.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hủy Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 10/8/2015, Quyết định số 1209/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 của Ủy ban nhân dân Quận A và Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 15/02/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận A và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A trình bày:

Ủy ban nhân dân Quận A và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Cẩm N.

Bà Cao Thị Cẩm N có phần đất nằm trong dự án Chinh trang phát triển đô thị tại phường L, Quận A.

Ngày 19/9/2008, Tổ kiểm kê dự án Chinh trang phát triển đô thị tại phường L, Quận A tiến hành kiểm kê ghi nhận phần diện tích 655,1m² thuộc một phần thửa 53, tờ bản đồ số 85 theo Tài liệu năm 2003, đối chiếu Tài liệu 02/CT-UB thuộc một phần thửa 290 tờ bản đồ số 15 và đối chiếu tài liệu 299/TTg thuộc một phần thửa 462 tờ bản đồ 03 tại phường L, Quận A.

Ngày 09/6/2015, Hội đồng xét nguồn gốc đất phường L họp xét và thống nhất phần đất này là đất công do Ủy ban đăng ký quản lý, bà Hồ Thị Tý sử dụng từ sau năm 1980 và trước năm 1993. Năm 1996 bà Tý mất để lại cho con là Cao Hùng S2 tiếp tục sử dụng. Năm 2003, ông S2 cho lại con là Cao Thị Cẩm N, cùng năm bà N xây nhà sử dụng đến nay. Không đủ điều kiện tái định cư.

Ngày 10/8/2015, Ủy ban nhân dân Quận A ban hành Quyết định số 364/QĐ-UBND về việc thu hồi đất do hộ bà Cao Thị Cẩm N sử dụng trong dự án Chinh trang phát triển đô thị tại phường L, Quận A, diện tích thu hồi là 655,1m².

Ngày 29/10/2015, Ủy ban nhân dân Quận A ban hành Quyết định số 1209/QĐ-UBND về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của hộ bà Cao Thị Cẩm N kèm bảng tính giá trị bồi thường hỗ trợ ngày 19/10/2015 với tổng số tiền là 199.967.000 đồng. Trong đó: Hỗ trợ 655,1m² đất nông nghiệp không mất tiền đường vị trí 2 đơn giá 152.000đ/m², hệ số 1. Không hỗ trợ vật kiến trúc do xây dựng sau ngày 22/4/2002. Không đủ điều kiện tái định cư.

Ngày 11/11/2015, bà Cao Thị Cẩm N đã nhận tiền bồi thường.

Không đồng ý với Quyết định số 1209/QĐ-UBND ngày 29/10/2015, bà Cao Thị Cẩm N nộp đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân Quận A.

Ngày 15/02/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A ban hành Quyết định số 12/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Cao Thị Cẩm N. Nội dung giữ nguyên Quyết định số 1209/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 của Ủy ban nhân dân Quận A.

Từ cơ sở trên, Ủy ban nhân dân Quận A nhận thấy việc ban hành các quyết định hành chính đối với bà Cao Thị Cẩm N là đúng quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân Quận A và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A vẫn giữ nguyên Quyết định số 364/QĐ-UBND, Quyết định số 1209/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Quận A và Quyết định số 12/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A.

Tại phiên tòa:

Người khởi kiện vẫn giữ nguyên ý trình bày như trên. Đối với các yêu cầu khởi kiện, người khởi kiện yêu cầu Tòa án xử hủy Quyết định số 1209/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 của Ủy ban nhân dân Quận A và Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 15/02/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A và xin rút yêu cầu hủy Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 10/8/2015 của Ủy ban nhân dân Quận A.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: Thống nhất với ý kiến và yêu cầu của người bị kiện

Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về hình thức: Tòa án đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng hành chính từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Tố tụng hành chính; các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình do Luật Tố tụng hành chính quy định.

+ Về nội dung: Xét nội dung Quyết định số 1209/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 của Ủy ban nhân dân Quận A. Căn cứ quy định tại các Điều 44, 45, 46 của Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ; khoản 8, khoản 9 Điều 8 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ thì trường hợp của hộ bà Cao Thị Cẩm N phải được bồi thường khi thu hồi đất nhưng Quyết định số 1209/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 của Ủy ban nhân dân Quận A có nội dung công bố số tiền hỗ trợ cho hộ bà Cao Thị Cẩm N với số tiền 199.967.000 đồng là chưa đúng quy định của pháp luật. Do Quyết định số 1209/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 của Ủy ban nhân dân Quận A chưa đúng quy định của pháp luật nên Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 15/02/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A có nội dung giữ nguyên Quyết định số 1209/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 là không đúng quy định của pháp luật. Vì vậy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện. Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 10/8/2015 của Ủy ban nhân dân Quận A, tại phiên tòa người khởi kiện rút yêu cầu trên nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu trên.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện, xử hủy Quyết định số 1209/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 của Ủy ban nhân dân Quận A và Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 15/02/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn 1 là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận A, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A; ông Huỳnh Văn T là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện.

- Về thẩm quyền giải quyết: Quyết định số 1209/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 của Ủy ban nhân dân Quận A và Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 15/02/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A là quyết định hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

- Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 29/10/2015, Ủy ban nhân dân Quận A ban hành Quyết định số 1209/QĐ-UBND về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của hộ bà Cao Thị Cẩm N. Ngày 06/11/2015, bà Cao Thị Cẩm N làm đơn khiếu nại. Ngày 15/02/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A ban hành Quyết định số 12/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại của bà Cao Thị Cẩm N. Ngày 04/8/2016, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận đơn khởi kiện của bà Cao Thị Cẩm N. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, xác định còn thời hiệu khởi kiện.

Xét các yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Cẩm N:

Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 1209/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 của Ủy ban nhân dân Quận A và hủy Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 15/02/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A:

- Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định: Ngày 29/10/2015, Ủy ban nhân dân Quận A ban hành Quyết định số 1209/QĐ-UBND về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của hộ bà Cao Thị Cẩm N. Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003; Luật Đất đai năm 2003 thì Ủy ban nhân dân Quận A ban hành quyết định trên là đúng thẩm quyền. Ngày 29/10/2015, Ủy ban nhân dân Quận A ban hành Quyết định số 1209/QĐ-UBND về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của hộ bà Cao Thị Cẩm N. Ngày 06/11/2015, bà Cao Thị Cẩm N làm đơn khiếu nại. Ngày 15/02/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A ban hành Quyết định số 12/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại của bà Cao Thị Cẩm N. Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu là đúng

thẩm quyền và trình tự theo quy định tại Điều 7, Điều 27, Điều 29, Điều 30, Điều 31 Luật Khiếu nại số 02/2011/QH 13 ngày 11 tháng 11 năm 2011.

- Về nội dung quyết định: Hộ bà Cao Thị Cẩm N bị thu hồi phần đất có diện tích $655,1\text{m}^2$ thuộc một phần thửa 53, tờ bản đồ 85 (theo Tài liệu 2003) phường L, Quận A, tương ứng một phần thửa 290 tờ bản đồ số 15 (theo Tài liệu Chỉ thị 02/CT-UB) xã Long Bình, Hịện Thủ Đức, theo Tài liệu 299/TTg thuộc một phần thửa 462 tờ bản đồ số 3, xã Long Bình, Hịện Thủ Đức. Thu hồi theo Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 10/8/2015 của Ủy ban nhân dân Quận A. Phần đất bị thu hồi thuộc dự án Chính trang phát triển đô thị tại phường L, Quận A. Dự án trên thực hiện theo Phương án số 86/PABT-HĐBT ngày 15/5/2012 của Hội đồng bồi thường – Giải phóng mặt bằng dự án Chính trang phát triển đô thị tại phường L, Quận A, được phê duyệt theo Quyết định số 228/QĐ-UBND ngày 04/6/2012 của Ủy ban nhân dân Quận A và căn cứ Quyết định thu hồi đất số 75/QĐ-UBND ngày 08/01/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ủy ban nhân dân Quận A đã căn cứ Biên bản họp xét nguồn gốc đất, xét tái định cư ngày 09/6/2015 của Hội đồng xét nguồn gốc đất phường L và Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ ngày 19/10/2015 của Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận A để ban hành Quyết định số 1209/QĐ-UBND vào ngày 29/10/2015 về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của hộ bà Cao Thị Cẩm N. Quyết định số 1209/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 của Ủy ban nhân dân Quận A có nội dung công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Cao Thị Cẩm N với tổng số tiền là 199.967.000 đồng. Cụ thể: Hỗ trợ đất nông nghiệp không mặt tiền đường, vị trí 2, $152.000 \text{ đồng/m}^2 \times 655,1\text{m}^2 = 99.575.000$ đồng; nhà xây dựng sau ngày 22/4/2002 không bồi thường; 09 ngôi mộ = 39.000.000 đồng; cây trồng, vật nuôi = 25.392.000 đồng; vật kiến trúc khác = 5.000.000 đồng; hỗ trợ = 31.000.000 đồng.

Tại bản nội dung kết luận trích biên bản họp xét nguồn gốc nhà, đất dự án Chính trang phát triển đô thị ngày 09/6/2015 tại Ủy ban nhân dân phường L, Quận A, ghi nhận: Diện tích $655,1\text{m}^2$ thuộc một phần thửa 53, tờ bản đồ 85 theo Tài liệu 2003, thuộc một phần thửa 290 tờ bản đồ 15 theo tài liệu Chỉ thị 02/CT-UB. Kết luận của Hội đồng: Đất công do Ủy ban đăng ký, bà Hồ Thị Tý sử dụng từ sau năm 1980 và trước 1993. Năm 1996, bà Tý mất để lại cho con là Cao Hùng S2 tiếp tục sử dụng. Năm 2003 ông S2 cho lại con là Cao Thị Cẩm N, cùng năm bà N xây nhà, sử dụng đến nay. Nhà đất hiện không tranh chấp với cá nhân nào. Do xác định phần đất $655,1\text{m}^2$ của hộ bà Cao Thị Cẩm N là đất công nên hành vi sử dụng đất của hộ bà Cao Thị Cẩm N là lấn chiếm đất vì vậy Ủy ban nhân dân Quận A chỉ giải quyết hỗ trợ cho hộ bà Cao Thị Cẩm N mà không giải quyết bồi thường.

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại Công văn số 4911/VPĐK-KTĐC ngày 10/4/2017 của Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố thể hiện theo tài liệu trước năm 1975 thì phần đất $655,1\text{m}^2$ thuộc một phần lô đất số 132, tờ bản đồ số 3, Long Bình. Tại tờ trích sao sổ địa bộ số 51/TS-VPĐK-LT ngày 03/4/2017 thì lô đất số 132, tờ bản đồ số 3, Long Bình do ông Cao Văn Đ Đ bộ có diện tích 13.280m^2 . Ngoài ra, khi thu hồi đất

trên đất có 9 ngôi mộ. Như vậy, có căn cứ xác định phần đất 655,1m² của hộ bà Cao Thị Cẩm N trước đây có nguồn gốc là đất của gia tộc họ Cao.

Phần đất này thuộc một phần thửa 462 tờ bản đồ số 3 do Ủy ban nhân dân xã Long Bình, Hlện Thủ Đức đăng ký theo Tài liệu 299/TTg vào ngày 11/02/1985. Tại Bản nội dung kết luận trích biên bản họp xét nguồn gốc nhà, đất dự án Chính trang phát triển đô thị ngày 09/6/2015 tại Ủy ban nhân dân phường L, Quận A đã xác nhận bà Hồ Thị Tý sử dụng đất sau năm 1980, nhưng không xác định được cụ thể năm sử dụng đất. Tại tờ tường trình và cam kết ngày 04/11/2019 được công chứng tại Phòng Công chứng số 6, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà Phan Thị Đạo sinh năm 1949, bà Nguyễn Thị Huệ sinh năm 1954 cùng cư ngụ tại khu phố Long Bửu, phường L, Quận A là hàng xóm của gia đình bà Cao Thị Cẩm N có tường trình và cam kết nội dung: Biết bà Hồ Thị Tý sử dụng phần đất 655,1m² thuộc một phần thửa 53, tờ bản đồ 85 từ năm 1981. Nội dung tường trình này phù hợp với nội dung xác nhận tại Bản nội dung kết luận trích biên bản họp xét nguồn gốc nhà, đất dự án Chính trang phát triển đô thị ngày 09/6/2015 tại Ủy ban nhân dân phường L, Quận A.

Như vậy, có căn cứ xác định gia đình bà Cao Thị Cẩm N đã sử dụng phần đất 655,1m² từ trước khi Ủy ban xã Long Bình, Hlện Thủ Đức đăng ký đất theo Tài liệu 299/TTg nên không thuộc trường hợp lấn chiếm đất công. Tại điểm d khoản 7 mục II phần III của Phương án số 86/PABT-HĐBT ngày 15/5/2012 của Hội đồng bồi thường – Giải phóng mặt bằng dự án Chính trang phát triển đô thị tại phường L, Quận A quy định về điều kiện được bồi thường về đất như sau: “Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà trước đây Nhà nước đã có quyết định quản lý trong quá trình thực hiện chính sách đất đai quy định tại điểm a, điểm d khoản 1 Điều 4 của Nghị định số 181/2004/NĐ-CP, nhưng trong thực tế Nhà nước chưa quản lý, mà hộ gia đình, cá nhân đó vẫn sử dụng”. Ngoài ra, trong suốt quá trình gia đình bà N sử dụng đất thì chính quyền địa phương cũng không có quyết định xử phạt hành chính về hành vi lấn chiếm đất đai. Theo Điều 44, 45 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ thì các trường hợp đất không có giấy tờ về quyền sử dụng đất mà người dân sử dụng không có tranh chấp, không có văn bản ngăn chặn của chính quyền địa phương và không có quyết định xử phạt hành chính trong lĩnh vực lấn chiếm đất đai thì vẫn được bồi thường như đất hợp pháp. Căn cứ vào các quy định trên và thực tế sử dụng đất của gia đình bà Cao Thị Cẩm N thì trường hợp của hộ bà Cao Thị Cẩm N phải được bồi thường khi thu hồi đất theo quy định tại Mục I và khoản 2 Mục II Phần V Phương án số 86/PABT-HĐBT ngày 15/5/2012 của Hội đồng bồi thường – Giải phóng mặt bằng dự án Chính trang phát triển đô thị tại phường L, Quận A.

Vì vậy, Quyết định số 1209/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 của Ủy ban nhân dân Quận A về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của hộ bà Cao Thị Cẩm N với số tiền hỗ trợ 199.967.000 đồng là chưa đúng quy định của pháp luật. Đối với Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 15/02/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A về giải quyết khiếu nại của bà Cao Thị Cẩm N có nội dung: Giữ nguyên Quyết định số 1209/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 của Ủy ban nhân dân Quận A về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

của hộ bà Cao Thị Cẩm N trong Dự án chỉnh trang phát triển đô thị tại phường L, Quận A là không đúng quy định của pháp luật.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện, hủy Quyết định số 1209/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 của Ủy ban nhân dân Quận A và Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 15/02/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A.

Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 10/8/2015 của Ủy ban nhân dân Quận A về việc thu hồi đất do hộ bà Cao Thị Cẩm N sử dụng trong Dự án chỉnh trang phát triển đô thị tại phường L, Quận A: Tại phiên tòa bà N đã rút yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu trên theo quy định tại khoản 2 Điều 173 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

Về án phí: Do yêu cầu của người khởi kiện được chấp nhận nên người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào

Khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 3 Điều 116, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 193, khoản 2 Điều 173, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Luật Khiếu nại số 02/2011/QH 13 ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ;

Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ;

Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009,

Xử :

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Cao Thị Cẩm N, hủy các quyết định:

- Quyết định số 1209/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 của Ủy ban nhân dân Quận A về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của hộ bà Cao Thị Cẩm N, địa chỉ: 25 tổ 9, khu phố Long Bửu, phường L, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh trong dự án Chỉnh trang phát triển đô thị tại phường L, Quận A;

- Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 15/02/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A về giải quyết khiếu nại của bà Cao Thị Cẩm N.

Buộc Ủy ban nhân dân Quận A thực hiện lại việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ dự án Chỉnh trang phát triển đô thị tại phường L, Quận A, đối với hộ bà Cao Thị Cẩm N theo đúng quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của người khởi kiện bà Cao Thị Cẩm N về việc yêu cầu hủy Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 10/8/2015 của Ủy ban nhân dân Quận A về việc thu hồi đất do hộ bà Cao Thị Cẩm N sử dụng trong dự án Chính trang phát triển đô thị tại phường L, Quận A.

3. Về án phí:

Người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận A phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm;

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm;

Hoàn trả cho bà Cao Thị Cẩm N 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2016/0031158 ngày 22/9/2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thụy Vi